

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M'ĐRẮK  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 16/2019/DSST  
Ngày 27 tháng 9 năm 2019  
“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hòa Quang Trường, Ông Y Chen Mlô

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên toà:** Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2019/TLST- DS ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (Gọi tắt là ngân hàng). Địa chỉ: số CC5, Bán đảo LĐ, Phường HL, Quận HM, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết Th, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị G – chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Bà G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: vợ chồng ông Trần Văn Th1 sinh năm 1970, bà Trần Thị H sinh năm 1974. Địa chỉ: thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông Th1, bà H vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Hoàng Thị Th2 (tên gọi khác: Trần Thị Th2), sinh năm 1947. Địa chỉ: thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Bà Th2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, vắng mặt.

+ Anh Trần Văn H1, sinh năm 1996. Địa chỉ: thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh

Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm 2002. Địa chỉ: thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:**

Ngày 13/6/2016, ông Trần Văn Th1 vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện M (gọi tắt là ngân hàng) 12.000.000đồng theo chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn, lãi suất 0,75%/tháng, theo hợp đồng số 6600000707633758 để sử dụng vào mục đích làm công trình giếng và nhà vệ sinh; thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc 06tháng/lần, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 12/6/2021.

Ngày 28/02/2017, ông Trần Văn Th1 tiếp tục vay của Ngân hàng 30.000.000đồng theo chương trình hộ nghèo, lãi suất 0,55%/tháng, theo hợp đồng số 6600000709497186 để sử dụng vào mục đích chăn nuôi bò sinh sản; thời hạn vay: 36 tháng, kỳ hạn trả nợ gốc 12 tháng/lần, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 12/02/2020.

Đến ngày 21/8/2019, vợ chồng ông Th1, bà H đã trả cho Ngân hàng 1.914.828 đồng tiền lãi suất của số nợ gốc 30.000.000đồng và 1.824.452 đồng tiền lãi suất của số nợ gốc 12.000.000đồng.

Từ ngày 12/3/2018 đến nay gia đình ông Th1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo phân kỳ như cam kết, không thực hiện việc sinh hoạt tổ theo quy định và sử dụng vốn vay sai mục đích: không thực hiện việc chăn nuôi bò như hợp đồng đã ký kết với ngân hàng. Hiện nay ông Th1, bà H cùng các con đã đi khỏi địa phương mà không thông báo địa chỉ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã xác minh nhiều lần nhưng không có kết quả.

Ngân hàng yêu cầu ông Trần Văn Th1 và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ngân hàng tính đến ngày 27/9/2019 là 46.911.220đồng. Bao gồm:

- Nợ gốc 12.000.000đồng và nợ lãi 1.727.548đồng (đã trừ 1.824.452 đồng tiền lãi đã trả) tính từ ngày 13/6/2016 đến ngày 27/9/2019 mức lãi suất 0,75%/tháng theo hợp đồng số 6600000707633758 ngày 13/6/2016

- Nợ gốc 30.000.000đồng và nợ lãi 3.183.672 đồng (đã trừ 1.914.828 đồng tiền lãi đã trả) tính từ ngày 28/02/2017 đến ngày 27/9/2019, mức lãi suất 0,55%/tháng. theo hợp đồng số 6600000709497186 ngày 28/02/2017.

**\* Đối với bị đơn vợ chồng ông Trần Văn Th1 và bà Nguyễn Thị H:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác minh gia đình ông Th1, bà H đã đi khỏi nơi cư trú mà không chuyển hộ khẩu, không đăng ký tạm vắng và cũng không thông báo địa chỉ nơi cư trú hiện nay cho địa phương cũng như Ngân hàng được biết. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị

đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, vì vậy Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành hòa giải được.

Tại bản tự khai ngày 25/9/2019, bị đơn ông Trần Văn Th1 trình bày: ông Th1 hiện đang là phạm nhân chấp hành án phạt tù tại trại giam ĐT (thuộc huyện C, tỉnh Đắk Lắk), ông Th1 không nhớ có vay Ngân hàng hay không. Ông Th1 từ chối làm việc và không nhận văn bản tố tụng của Tòa án.

**\* Quá trình giải quyết vụ án Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Th2 (Trần Thị Th1) trình bày:**

Bà Thuận là mẹ của ông Trần Văn Th1. Việc vay tiền giữa ngân hàng và vợ chồng ông Th1, bà H thì bà Th2 hoàn toàn không biết, không liên quan gì. Bà Th2 không biết vợ chồng ông Th1 đang ở đâu.

\* Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn H và chị Trần Thị Mỹ L không có mặt ở địa phương, tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các thủ tục theo quy định của Pháp luật.

**\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự chấp hành quy định. Tại phiên tòa đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn:

- Nợ gốc 12.000.000đồng và nợ lãi 1.727.548đồng tính từ ngày 13/6/2016 đến ngày 27/9/2019 mức lãi suất 0,75%/tháng theo hợp đồng số 6600000707633758 ngày 13/6/2016.

- Nợ gốc 30.000.000đồng và nợ lãi 3.183.672 đồng tạm tính từ ngày 28/02/2017 đến ngày 27/9/2019 mức lãi suất 0,55%/tháng. theo hợp đồng số 6600000709497186 ngày 28/02/2017.

Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn (Ngân hàng chính sách xã hội Việt nam – Phòng giao dịch huyện M) khởi kiện yêu cầu bị đơn (vợ chồng ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị H) phải trả tiền theo hợp đồng vay tài sản, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn đăng ký thường trú tại thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk nên yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Quá trình giải quyết Tòa án đã xác minh bị đơn (ông Th1 và bà H) cùng các con đã đi khỏi địa phương mà không chuyển hộ khẩu, không đăng ký tạm vắng và cũng không thông báo địa chỉ nơi cư trú hiện nay cho chính quyền địa phương cũng như nguyên đơn được biết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ. Sau khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử mới biết được ông Thanh đang chấp hành án tại trại giam ĐT. Tòa án đã làm việc và tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông Thanh từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và cũng không tham dự phiên tòa được. Căn cứ vào Điều 227 và 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

### **[2] Về nội dung:**

#### **2.1. Xét nội dung hợp đồng vay tài sản:**

+ Theo hợp đồng vay tiền số 6600000707633758 ngày 13/6/2016, giữa ông Trần Văn Th1 và Ngân hàng: Hộ gia đình của bị đơn (bà Th2, bà H, chị L và anh H) do ông Th1 là đại diện đã vay của ngân hàng 12.000.000đồng để làm công trình giếng và nhà vệ sinh, lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn vay: 60 tháng, thời hạn trả ngày 12/6/2021.

+ Theo hợp đồng vay tiền số 6600000709497186 ngày 28/02/2017, giữa hộ ông Trần Văn Th1 và Ngân hàng: Hộ gia đình của bị đơn (bà Th2, bà H, chị L và anh H) do ông Th1 là đại diện đã vay của ngân hàng 30.000.000đồng để chăn nuôi bò sinh sản, lãi suất 0,55%/tháng, thời hạn vay: 36 tháng, thời hạn trả ngày 12/02/2020.

Vợ chồng ông Th1, bà H mới trả cho Ngân hàng 1.914.828 đồng tiền lãi suất của số nợ gốc 30.000.000đồng. Quá trình sử dụng vốn vay, hộ ông Th1 sử dụng tiền vay không đúng mục đích, không thực hiện việc chăn nuôi bò như hợp đồng đã ký kết với ngân hàng. Vi phạm phân kỳ trả nợ gốc và trả nợ lãi theo cam kết của hợp đồng. Bị đơn mới trả cho nguyên đơn 1.914.828 đồng tiền lãi suất của số nợ gốc 30.000.000đồng và 1.824.452 đồng tiền lãi suất của số nợ gốc 12.000.000đồng.

Bị đơn là người có đầy đủ năng lực pháp luật, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo

thỏa thuận. Bị đơn cho rằng không nhớ mình có vay nguyên đơn là không có căn cứ. Do đó cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn: Nợ gốc 12.000.000đồng theo hợp đồng vay tiền số 6600000707633758 ngày 13/6/2016; Nợ gốc 30.000.000đồng theo hợp đồng vay tiền số 6600000709497186 ngày 28/02/2017

**2.2. Về lãi suất:** Mức lãi suất theo 02 hợp đồng vay vốn nói trên là mức lãi suất ưu đãi của nhà nước cho những đối tượng chính sách để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống gia đình, là phù hợp với quy định của Pháp luật, phù hợp với sự thỏa thuận của các bên. Bị đơn đã trả cho nguyên đơn một phần tiền lãi: Cụ thể: đến ngày 21/8/2019, vợ chồng ông Thanh, bà Hiên đã trả cho Ngân hàng 1.914.828 đồng tiền lãi suất của số nợ gốc 30.000.000đồng và 1.824.452 đồng tiền lãi suất của số nợ gốc 12.000.000đồng.

Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn vợ chồng ông Th1, bà H phải trả cho ngân hàng tiền lãi suất vi phạm. Cụ thể:

- Nợ lãi theo hợp đồng số 6600000707633758 ngày 13/6/2016 tính từ ngày 13/6/2016 đến ngày xét xử (27/9/2019) mức lãi suất 0,75%/tháng là 1.727.548đồng (đã trừ 1.824.452 đồng tiền lãi đã trả).

- Nợ lãi theo hợp đồng số 6600000709497186 ngày 28/02/2017 tạm tính từ ngày 28/02/2017 đến ngày xét xử (27/9/2019) mức lãi suất 0,55%/tháng là 3.183.672đồng (đã trừ 1.914.828 đồng tiền lãi đã trả).

Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn 46.911.220đồng. Trong đó nợ gốc: 42.000.000đồng, nợ lãi 4.911.220 đồng.

Tiếp tục tính lãi từ ngày cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc còn nợ cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền còn nợ theo cam kết của 02 hợp đồng vay nói trên

**[3] Về án phí:** Bị đơn vợ chồng ông Trần Văn Th1, bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.345.500đồng tiền án phí DSST có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 2 Điều 184; Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 244; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 điều 468; Điều 688 và Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

### **Tuyên xử:**

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện M, tỉnh Đắk Lắk: Buộc vợ chồng

ông Trần Văn Th1, bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện M, tỉnh Đắk Lắk số tiền 46.911.220đồng. Trong đó nợ gốc: 42.000.000đồng, nợ lãi 4.911.220 đồng. Cụ thể:

+ Nợ gốc 12.000.000đồng, nợ lãi 1.727.548đồng, mức lãi suất 0,75%/tháng theo hợp đồng vay tiền số 6600000707633758 ngày 13/6/2016.

+ Nợ gốc 30.000.000đồng, nợ lãi 3.183.672đồng, mức lãi suất 0,55%/tháng theo hợp đồng vay tiền số 6600000709497186 ngày 28/02/2017.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên có nghĩa vụ chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định của hợp đồng.*

2. Về án phí: Bị đơn vợ chồng ông Trần Văn Th1, bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.345.000đồng tiền án phí DSST có giá ngạch.

3 Thông báo quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- Đương sự, người tham gia tố tụng khác;
- Vp, Kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Vũ Thị Hải**